

Số: 1616 /TCT-CS
V/v chính sách thuế

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2014.

Kính gửi:

- Công ty cổ phần tài chính và phát triển doanh nghiệp;
(Địa chỉ: số 11 Đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội)
- Cục Thuế thành phố Hà Nội;
- Cục Thuế tỉnh Phú Yên.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 147113/CV/FBS ngày 26/6/2013, công văn số 164113/CV/FBS ngày 18/7/2013 và công văn số 213/13/CV/FBS ngày 18/10/2013 của Công ty cổ phần tài chính và phát triển doanh nghiệp (FBS) v/v xuất hoá đơn đối với phí quản lý cấp trên phân bổ. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Để có cơ sở xử lý vướng mắc nêu trên, Tổng cục Thuế đã có công văn số 2765/TCT-CS ngày 22/8/2013 đề nghị Cục Thuế tỉnh Phú Yên và Cục Thuế thành phố Hà Nội báo cáo, công văn số 230/TCT-CS ngày 17/2/2014 đề nghị Cục Thuế các tỉnh thành phố: Đà Nẵng, Thái Bình, Phú Thọ, Gia Lai có ý kiến.

Ngày 28/8/2013, Cục Thuế tỉnh Phú Yên có công văn số 2244/CT-KTT báo cáo và đề xuất như sau:

“Căn cứ hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính, Cục Thuế đã kiểm tra trước hoàn thuế GTGT tại Chi nhánh FBS tỉnh Phú Yên và đã xác định Chi phí quản lý cấp trên của Công ty FBS phân bổ cho Chi nhánh tại Phú Yên không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, do đó, thuế GTGT đầu vào 1.579.520.648đ của 05 hoá đơn điều chỉnh nêu trên không được khấu trừ.”

Ngày 17/10/2013, Cục Thuế thành phố Hà Nội có công văn số 41634/CT-THNVDT báo cáo đề xuất như sau:

“Về vấn đề này, sau khi xem xét hồ sơ và báo cáo của Chi cục Thuế huyện Từ Liêm tại công văn số 14669/CCT-Ktra ngày 16/10/2013 về báo cáo lập hoá đơn, kê khai nộp thuế GTGT đối với khoản chi phí quản lý cấp trên, Cục Thuế TP. Hà Nội có ý kiến như sau:

Theo giải trình của Công ty cổ phần tài chính và phát triển doanh nghiệp tại Biên bản làm việc (không có số) ngày 27/02/2013 giữa Công ty và Chi cục Thuế huyện Từ Liêm thì đây là khoản doanh thu do thực hiện dịch vụ tư vấn quản lý của Công ty đối với các Chi nhánh hoạt động ở các tỉnh (Chi nhánh hoạt động độc lập).

Căn cứ theo Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành thì doanh thu hoạt động dịch vụ tư vấn quản lý của Công ty cổ phần tài chính và phát triển doanh nghiệp thuộc diện chịu thuế suất thuế GTGT 10%.”

Ngày 27/1/2014, Cục Thuế tỉnh Thái Bình có công văn số 235/CV-CT báo cáo và đề xuất như sau:

“1. Về khoản thu về chi phí quản lý cấp trên có thuộc đối tượng chịu thuế GTGT:

Theo hướng dẫn và quy định tại:

+ Mục II, Phần A, Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9 tháng 4 năm 2007 quy định về Đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Mục II, Phần A, Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 quy định về Đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Điều 4, Chương I, Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2012 quy định về Đối tượng không chịu thuế GTGT.

Theo hướng dẫn và quy định tại các văn bản trên: khoản thu về chi phí dịch vụ tư vấn của Công ty đối với các Chi nhánh tại các tỉnh không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

“2. Khoản chi phí quản lý cấp trên có được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

...

Theo quy định tại các Văn bản trên: Việc được tính vào chi phí hợp lý đối với khoản chi phí hình thành nguồn chi phí quản lý cấp trên chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các Tập đoàn kinh tế Nhà nước, Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Không quy định áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc loại hình kinh tế ngoài nhà nước.

Đối với Công ty cổ phần tài chính và phát triển doanh nghiệp FBS: Khoản chi phí phân bổ về cho các chi nhánh là khoản chi phí dịch vụ tư vấn quản lý của Công ty đối với các dự án của các chi nhánh hoạt động ở các tỉnh, đã phát sinh trước khi phân bổ, là thu nhập của công ty. Đối với chi nhánh đây là khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.”

Ngày 24/1/2014, Cục Thuế tỉnh Phú Thọ có công văn số 273/CT-BC như sau:

“1. Về việc phân bổ chi phí quản lý của Công ty cổ phần tài chính và phát triển doanh nghiệp FBS cho các Chi nhánh: Do các Chi nhánh Công ty hạch toán độc lập nên việc phân bổ chi phí quản lý từ Công ty Cổ phần tài chính và phát triển doanh nghiệp FBS cho các Chi nhánh là không phù hợp với quy định tại Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành (Luật thuế TNDN chỉ quy định việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh do Công ty ở nước ngoài phân bổ cho các cơ sở thường trú tại Việt Nam).

2. Về thuế GTGT và hoá đơn đối với khoản chi phí quản lý phân bổ cho các Chi nhánh:

2.1. Theo nội dung phản ánh trên các hoá đơn, đây là khoản chi phí quản lý Công ty phân bổ cho các Chi nhánh không kèm theo hàng hoá hay dịch vụ nào nên khoản chi phí này không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

2.2 Trường hợp để được lập hoá đơn GTGT và tính thuế GTGT như quan điểm của Cục Thuế thành phố Hà Nội thì giữa Công ty và các Chi nhánh phải có hợp đồng thực hiện các dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định của pháp luật.”

Ngày 19/2/2014, Cục Thuế tỉnh Gia Lai có công văn số 351/CT-KTT như sau:

“Đối với việc khai thuế GTGT: Căn cứ Khoản 2 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2005: “Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo uỷ quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp”, Chi nhánh chịu sự điều hành và thực hiện các nhiệm vụ do Công ty giao không phân biệt Chi nhánh hạch toán độc lập hay phụ thuộc.

Do đó, khoản chi phí quản lý hàng năm Chi nhánh nộp về do Công ty phân bổ phụ thuộc vào Điều lệ hoạt động và quy chế tổ chức của Công ty là khoản thu nộp nội bộ, không phải khai thuế GTGT. Tuy nhiên, trường hợp Công ty xuất hóa đơn bổ sung, đã kê khai, nộp thuế theo đúng thuế suất ghi trên hóa đơn và có xác nhận của cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính xem xét cho Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Đối với việc quyết toán thuế TNDN: năm 2009, 2010, 2011 khoản chi phí nộp về cấp trên được xem là chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định tại Điểm 2.11, Khoản 2, Mục IV, Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính. Riêng đối với năm 2012, khoản chi đóng góp hình thành nguồn chi phí quản lý cho cấp trên không được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định tại Điểm 2.12, Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính”

Khoản 1, Điều 34 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 quy định:

“1. Trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp có sai sót gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.”

Tại Điều 2 và khoản 9 Điều 14 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính quy định:

“Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này.”

“9. Văn phòng Tổng công ty, tập đoàn không trực tiếp hoạt động kinh doanh và các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc như: Bệnh viện, Trạm xá, Nhà nghỉ điều dưỡng, Viện, Trường đào tạo... không phải là người nộp thuế GTGT thì không được khấu trừ hay hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động của các đơn vị này.

Trường hợp các đơn vị này có hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải đăng ký, kê khai nộp thuế GTGT riêng cho các hoạt động này.

Ví dụ 46: Văn phòng Tổng công ty A không trực tiếp sản xuất, kinh doanh, sử dụng kinh phí do các cơ sở trực thuộc đóng góp để hoạt động nhưng Văn phòng Tổng công ty có cho thuê nhà (văn phòng) phần không sử dụng hết thì Văn phòng Tổng công ty phải hạch toán, kê khai nộp thuế riêng cho hoạt động cho thuê văn phòng. Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Văn phòng Tổng công ty không được khấu trừ hay hoàn thuế”

Tại khoản 7, Điều 14 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính quy định:

“c) Trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hoá đơn GTGT bán hàng hoá, dịch vụ nhưng phát hiện sai sót về thuế GTGT, phải lập hoá đơn điều chỉnh, bổ sung thì thời hạn kê khai khấu trừ, bổ sung thuế GTGT của cơ sở kinh doanh mua hàng hoá, dịch vụ được tính từ thời điểm lập hoá đơn điều chỉnh, bổ sung.”

Căn cứ điểm 2.15, mục III, phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính; điểm 2.11 mục IV, phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008; điểm h sửa đổi điểm 2.11 mục IV phần C Thông tư số 18/2011/TT-BTC ngày 10/2/2011 của Bộ Tài chính quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

“Không tính vào chi phí được trừ: ... Phần chi đóng góp hình thành nguồn chi phí quản lý cho cấp trên vượt quá mức quy định của cơ quan quản lý cấp trên; chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội (các Hiệp hội này được thành lập theo quy định của pháp luật) vượt quá mức quy định của Hiệp hội.

Phần đóng góp hình thành các nguồn chi phí quản lý cho cấp trên là phần đóng góp của doanh nghiệp thuộc các Tập đoàn kinh tế Nhà nước, Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; phần đóng góp của các doanh nghiệp thuộc các Tổng công ty thành lập theo Quyết định số 90, Quyết định số 91 của Thủ tướng Chính phủ; phần đóng góp của doanh nghiệp trực thuộc các Bộ chủ quản.”

Tại điểm 2.12, Điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

“2.12. Chi đóng góp hình thành nguồn chi phí quản lý cho cấp trên.

Phần chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội (các Hiệp hội này được thành lập theo quy định của pháp luật) vượt quá mức quy định của Hiệp hội.”

Tại điểm 1 Điều 5 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính quy định:

“Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ số tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả phần trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.”

Căn cứ quy định nêu trên, Tổng cục Thuế thống nhất với đề xuất của Cục Thuế tỉnh Phú Yên tại công văn số 2244/CT-KTT ngày 28/8/2013, Cục Thuế tỉnh Phú Thọ tại công văn số 273/CT-BC ngày 24/1/2014, Cục Thuế tỉnh Gia Lai tại công văn số 351/CT-KTT ngày 19/2/2014 như sau:

Chi phí quản lý cấp trên của Công ty FBS phân bổ cho Chi nhánh tại Phú Yên không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Trường hợp Công ty đã lập hoá đơn tính thuế GTGT đối với khoản kinh phí này thì Công ty và Chi nhánh lập biên bản và xuất hoá đơn GTGT điều chỉnh thuế GTGT trên hoá đơn ghi rõ điều chỉnh thuế GTGT cho hàng hoá, dịch vụ tại các hoá đơn số, ký hiệu... Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh, Công ty và Chi nhánh thực hiện điều chỉnh lại việc kê khai nộp thuế GTGT. Cụ thể: Công ty điều chỉnh lại số thuế GTGT đã nộp (điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu ra và điều chỉnh số thuế đầu vào tương ứng với chi phí quản lý phân bổ), Chi nhánh điều chỉnh giảm số thuế đã kê khai khấu trừ.

Khoản chi phí quản lý cấp trên của Công ty phân bổ cho Chi nhánh tại Phú Yên là khoản chi phí quản lý của Công ty đối với các chi nhánh hoạt động ở các tỉnh đã phát sinh trước khi phân bổ, sau khi phân bổ là doanh thu chịu thuế TNDN của Công ty. Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ phục vụ cho quản lý chung các chi nhánh, tính vào chi phí của Công ty.

Đối với chi nhánh đây là khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Tổng cục Thuế có ý kiến đề Cục Thuế và Công ty được biết./

Nơi nhận: //

- Như trên;
- Cục Thuế: Đà Nẵng, Thái Bình, Phú Thọ, Gia Lai;
- Vụ PC-BTC;
- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, CS(3b).



Cao Anh Tuấn